

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT KẾT CẤU THÉP NỘI BÀI

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT KẾT CẤU THÉP NỘI BÀI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107887218

**3. Ngày thành lập:** 16/06/2017

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Trại Lắm, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0979170350

Fax:

Email: ketoannoibocnc@gmail.com

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                    | 4100     |
| 2.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                | 4210     |
| 3.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                             | 4220     |
| 4.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                               | 4290     |
| 5.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                          | 4322     |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                           | 4329     |
| 7.  | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý phân phối vật liệu xây dựng, đại lý phân phối về thiết bị công nghiệp ( máy móc công cụ cắt gọt, thiết bị dây truyền sản xuất dây và cáp, động cơ giảm tốc, băng tải ... ) | 4610     |
| 8.  | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                     | 4641     |
| 9.  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi                                                                                            | 4931     |
| 10. | Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn                                                                                                                                                                                         | 8020     |
| 11. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                   | 4311     |
| 12. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                           | 4330     |
| 13. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                      | 4390     |
| 14. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                         | 4932     |
| 15. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                           | 4933     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 16. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh<br>Dịch vụ trông giữ xe oto, xe máy, xe đạp                                                                                                                                                    | 8299        |
| 17. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết : Cho thuê kho xưởng, kho bãi                                                                                                                                                                                                    | 6810        |
| 18. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết : - Hoạt động đo đạc bản đồ - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước - Tư vấn giám sát, thẩm tra thiết kế                                                                                                                                                          | 7110        |
| 19. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa được phân vào đâu                                       | 7730        |
| 20. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết : Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại - Sản xuất cửa an toàn, kết, cửa bọc sắt                                                                                                                                                                   | 2599        |
| 21. | Sản xuất sản phẩm từ plastic<br>Chi tiết: - Sản xuất sản phẩm khác từ plastic - Sản xuất đồ nhựa cho xây dựng như: Cửa nhựa, cửa sổ, khung, màn, rèm, ván chân tường, bể hồ chứa nhân tạo, sàn tường hoặc tấm phủ trần dạng cuộn hoặc dạng tấm, đồ thiết bị vệ sinh bằng nhựa như bể bơi plastic, vòi tắm, chậu tắm, chậu rửa mặt. | 2220        |
| 22. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2394        |
| 23. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2410        |
| 24. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2511        |
| 25. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2512        |
| 26. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết : - Bán buôn quặng kim loại - Bán buôn sắt, thép - Bán buôn kim loại khác trừ Bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác                                                                                                                                                              | 4662        |
| 27. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết : Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn sơn, vecni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                     | 4663        |
| 28. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2592(Chính) |
| 29. | Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1322        |
| 30. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4312        |
| 31. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4321        |
| 32. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4659        |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ THU HÀ | Số 201A8, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 396.000    | 19.800.000.000        | 99,000    | 025179000216                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 396.000    | 19.800.000.000        | 99,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | HOÀNG VĂN TÀI     | Xóm Đô Sơn, Xã Bài Sơn, Huyện Đô Lương, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam                       | Cổ phần phổ thông | 800        | 40.000.000            | 0,200     | 186449391                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 800        | 40.000.000            | 0,200     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | PHẠM VĂN NGUYỄN   | Xóm 2, Tổ 3, Thôn Thượng Trà, Xã Tân Dân, Huyện Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam   | Cổ phần phổ thông | 3.200      | 160.000.000           | 0,800     | 142262718                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 3.200      | 160.000.000           | 0,800     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: PHẠM VĂN NGUYỄN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 11/10/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 142262718

Ngày cấp: 14/06/2012

Nơi cấp: Công An tỉnh Hải Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 2, Tổ 3, Thôn Thượng Trà, Xã Tân Dân, Huyện Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 2/21/987, Đường Ngô Gia Tự, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội